

DANH MỤC THUỐC NHÌN GIỐNG NHAU, ĐỌC GIỐNG NHAU NĂM 2023 - 2024

Nhóm biên soạn:  
Ds. Dương Thị Thanh  
Ds. Hoàng Thị Thanh Huyền  
Ds. Lê Thị Hương Giang

A. CÁC THUỐC NHÌN GIỐNG NHAU

| TT | TÊN THUỐC<br>THUỐC DẠNG VIÊN                                                                                  |                                                                                          |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Hasanbest 500/5                                                                                               | Hasanbest 500/2.5                                                                        |
|    | Vi màu bạc, viên thuốc màu vàng. Quy cách đóng gói: 15 viên/vi<br>Cùng hãng SX: Công ty TNHH Hasan-Dermapharm |                                                                                          |
|    |                           |     |
|    | Hộp có nền màu đỏ.<br>Hoạt chất, hàm lượng: Metformin 500mg + Glibenclamide 5mg                               | Hộp có nền màu xanh dương.<br>Hoạt chất, hàm lượng: Metformin 500mg + Glibenclamid 2.5mg |

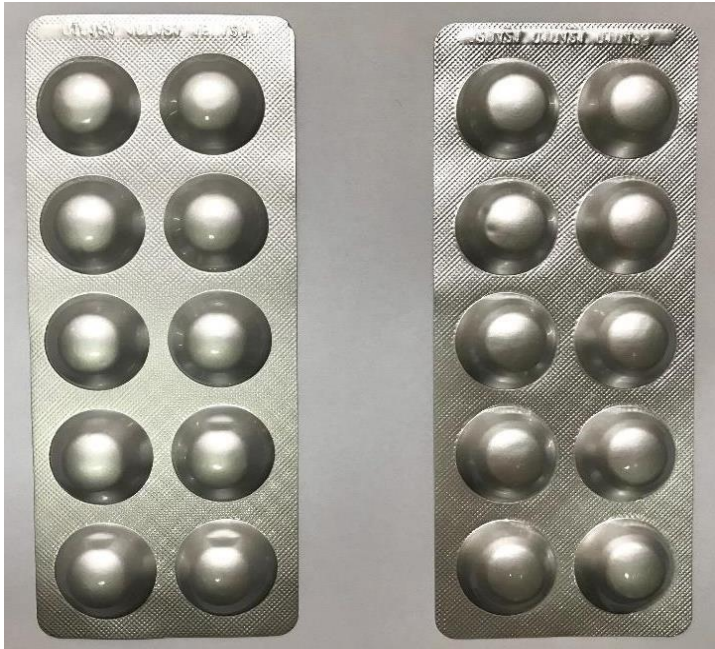
| 2 | Jardiance 10mg                                                                                                                     | Jardiance 25mg                                                                                                                      |
|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|   | Vỉ nhôm màu bạc, chữ đen. Quy cách đóng gói: 10 viên/ vỉ.<br>Cùng hãng SX: Boehringer Ingelheim – Đức                              |                                                                                                                                     |
|   |  <p data-bbox="616 1125 768 1161">Mặt trước</p> |  <p data-bbox="1612 1125 1733 1161">Mặt sau</p> |
|   | Hình dạng viên nén hình tròn.<br>Hoạt chất, hàm lượng: Empagliflozin 10mg                                                          | Hình dạng viên nén hình dẹp.<br>Hoạt chất, hàm lượng: Empagliflozin 25mg                                                            |

| 3 | Glockner - 5                                                                                                                       | Jiracek - 20                                                                                                                        |
|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|   | Viên màu bạc, chữ đen. Quy cách đóng gói: 10 viên/ vỉ.<br>Cùng hãng SX: CT Cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú                            |                                                                                                                                     |
|   |  <p data-bbox="636 1118 786 1155">Mặt trước</p> |  <p data-bbox="1644 1118 1765 1155">Mặt sau</p> |
|   | <p data-bbox="215 1171 792 1257">Mặt trước có nền màu đỏ.<br/>Hoạt chất, hàm lượng: Thiamazol 5mg</p>                              | <p data-bbox="1234 1171 1861 1257">Mặt trước có nền màu cam.<br/>Hoạt chất, hàm lượng: Esomeprazol 20mg</p>                         |

| 4 | Entacron 25                                                                                                                                    | Demencur 100                                                                                                                                    |
|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|   | Vi nhôm màu bạc, chữ xanh.<br>Cùng hãng SX: Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi                                                                     |                                                                                                                                                 |
|   | <div data-bbox="365 427 1137 1018" data-label="Image"> </div> <div data-bbox="636 1091 786 1129" data-label="Caption"> <p>Mặt trước</p> </div> | <div data-bbox="1335 427 2112 1018" data-label="Image"> </div> <div data-bbox="1644 1091 1765 1129" data-label="Caption"> <p>Mặt sau</p> </div> |
|   | <p>Vi thuốc nhỏ.<br/>         Hoạt chất, hàm lượng: Spironolacton 25mg</p>                                                                     | <p>Vi thuốc to hơn.<br/>         Hoạt chất, hàm lượng: Pregabalin 100mg</p>                                                                     |

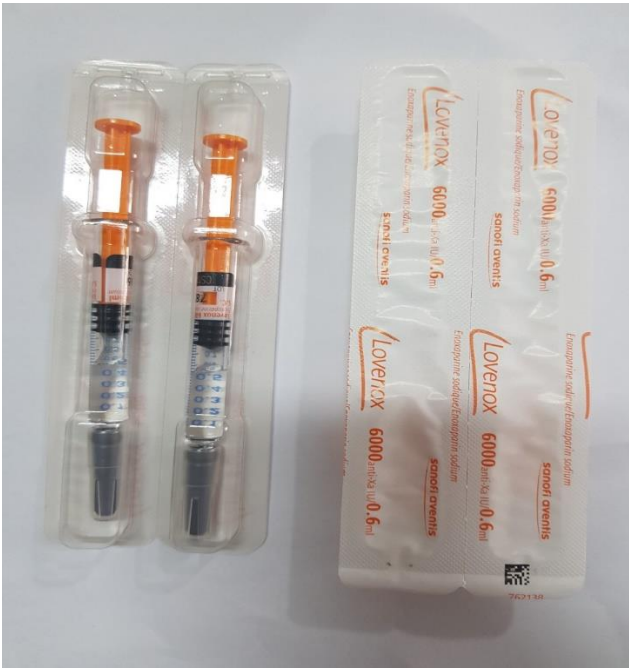
| 5 | Vinzix 40mg                                                                                                                                   | Agifuros 40mg                                                                                                                                  |
|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|   | Vĩ nhôm mặt sau màu vàng.                                                                                                                     |                                                                                                                                                |
|   | <div data-bbox="320 375 1077 978" data-label="Image"> </div> <div data-bbox="636 1054 786 1094" data-label="Caption"> <p>Mặt trước</p> </div> | <div data-bbox="1357 406 2112 994" data-label="Image"> </div> <div data-bbox="1644 1054 1760 1094" data-label="Caption"> <p>Mặt sau</p> </div> |
|   | <p>Mặt trước có chữ màu xanh.<br/> Hoạt chất, hàm lượng: Furosemid 40mg<br/> Hãng SX: Công ty CP Dược phẩm Vĩnh Phúc</p>                      | <p>Mặt trước có chữ màu đen.<br/> Hoạt chất, hàm lượng: Furosemid 40mg<br/> Hãng SX: CTCP DP Agimexpharm</p>                                   |

| 6 | Medrol 16mg                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Medrol 4mg                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|   | Viên màu bạc, chữ đen. Quy cách đóng gói: 10 viên/ vỉ.<br>Cùng hãng SX: Pfizer – Bỉ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|   |  <p>The image shows the packaging for Medrol 16mg. It includes a white box with a blue vertical stripe on the left side featuring the Pfizer logo. The box is labeled 'Thuốc bán theo đơn', 'MEDROL® 16 mg METHYLPREDNISOLONE', and 'DNNK CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU T&amp;T 24 NGUYỄN THỊ NGHĨA, Q1-TP. HỒ CHÍ MINH'. Below this, it says 'Hộp 3 vỉ x 10 viên nén'. In front of the box are two blister packs: one is a white blister pack with 10 compartments, and the other is a silver blister pack with 10 compartments, each containing a white tablet.</p> |  <p>The image shows the packaging for Medrol 4mg. It includes a white box with a blue vertical stripe on the left side featuring the Pfizer logo. The box is labeled 'Thuốc bán theo đơn', 'MEDROL® 4 mg METHYLPREDNISOLONE', and 'DNNK CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU T&amp;T 24 NGUYỄN THỊ NGHĨA, Q1-TP. HỒ CHÍ MINH'. Below this, it says 'Hộp 3 vỉ x 10 viên nén'. In front of the box are two blister packs: one is a white blister pack with 10 compartments, and the other is a silver blister pack with 10 compartments, each containing a white tablet.</p> |
|   | Hoạt chất, hàm lượng: Methylprednisolon 16mg                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Hoạt chất, hàm lượng: Methylprednisolon 4mg                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |

| 7 | Ocemin 300 mg                                                                                                     | Ocebiso 480mg                                                                                                                 |
|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|   | Vi nhôm bạc, sọc xanh, chữ đỏ. Quy cách đóng gói: 10 viên/ vỉ.<br>Cùng hãng SX: Công ty cổ phần hoá dược Việt Nam |                                                                                                                               |
|   |  <p>Mặt trước</p>              |  <p>Mặt sau</p>                           |
|   | <p>Mặt trước có chữ nhiều màu: đỏ, vàng, xanh.<br/>           Hoạt chất, hàm lượng: Calci lactat 300mg</p>        | <p>Mặt trước có chữ màu đỏ.<br/>           Hoạt chất, hàm lượng: Sulfamethoxazol 400mg +<br/>           Trimethoprim 80mg</p> |

| 8 | Fordia MR 750mg                                                                                                     | Plavix 300mg                                                                                        |
|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|
|   | Viên nhũ màu bạc, sọc xanh, chữ đen. Quy cách đóng gói: 10 viên/ vỉ.<br>Cùng hãng SX: Gedeon Richter Plc. – HUNGARY |                                                                                                     |
|   |  <p>Mặt trước</p>                |  <p>Mặt sau</p> |
|   | Mặt trước có chữ màu xanh.<br>Hoạt chất, hàm lượng: Metformin 750mg                                                 | Mặt trước có chữ màu đen.<br>Hoạt chất, hàm lượng: Clopidogrel 300mg                                |

| 9 | Vicoram 3.5mg/2.5mg                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Vicoram 7mg/5mg                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|   | Hộp nhựa 30 viên nén.<br>Cùng hãng SX: Servier- Pháp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|   |  <p>The image shows the packaging for Vicoram 3.5mg/2.5mg. It includes a white plastic bottle with a yellow label and a yellow and white cardboard box. The label and box both specify 'VICORAM® 3.5mg/2.5mg' and 'viên nén / tablets perindopril arginine/amlodipine'. The box also indicates '30 viên nén tablets'.</p> |  <p>The image shows the packaging for Vicoram 7mg/5mg. It includes a white plastic bottle with a yellow label and a yellow and white cardboard box. The label and box both specify 'VICORAM® 7mg/5mg' and 'viên nén / tablets perindopril arginine/amlodipine'. The box also indicates '30 viên nén tablets'.</p> |
|   | Hoạt chất, hàm lượng: Perindopril 3.5mg + amlodipin 2.5mg                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Hoạt chất, hàm lượng: Perindopril 7mg + amlodipin 5mg                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |

| 10 | Lovenox 60mg/0.6ml                                                                          | Lovenox 40mg/0.4ml                                                                            |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|
|    | Dạng bào chế: bơm tiêm.<br>Cùng hãng SX: Sanofi - Pháp.                                     |                                                                                               |
|    |          |           |
|    | Mặt trước có chữ màu cam. Bơm tiêm màu cam<br>Hoạt chất, hàm lượng: Enoxaparin 6000IU/0.6ml | Mặt trước có chữ màu vàng. Bơm tiêm màu vàng<br>Hoạt chất, hàm lượng: Enoxaparin 4000IU/0.4ml |
| 11 | Gemapaxane 6000IU/0.6ml                                                                     | Gemapaxane 4000IU/0.4ml                                                                       |

|  |                                                                                                                            |                                                                                                                     |
|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  | <p>Dạng bào chế: bơm tiêm.<br/> Cùng hãng SX: Italfarmaco, S.p.A - Ý</p>                                                   |                                                                                                                     |
|  |                                         |                                 |
|  | <p>Mặt trước có chữ màu xanh dương và xanh lá. Bơm tiêm màu trắng</p> <p>Hoạt chất, hàm lượng: Enoxaparin 6000IU/0.6ml</p> | <p>Mặt trước có chữ màu xanh dương và cam. Bơm tiêm màu đỏ</p> <p>Hoạt chất, hàm lượng: Enoxaparin 4000IU/0.4ml</p> |

|  |                                                                                                     |                                                                                                     |
|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  | <p>Vì nhôm mặt sau trắng bạc, chữ màu đen.<br/>Cùng hãng SX: AstraZeneca – Thuy Điền</p>            |                                                                                                     |
|  |  <p>Mặt trước</p> |  <p>Mặt sau</p> |
|  | <p>Mặt trước vỉ có màu vàng cam.<br/>Hoạt chất, hàm lượng: Rosuvastatin 10mg</p>                    | <p>Mặt trước vỉ có màu vàng.<br/>Hoạt chất, hàm lượng: Rosuvastatin 5mg</p>                         |

|    |                          |                  |
|----|--------------------------|------------------|
| 13 | Ebitac Forte 20mg/12.5mg | Ebitac 10mg/25mg |
|----|--------------------------|------------------|

Vỉ nhôm màu bạc, chữ màu đỏ nâu. Quy cách đóng gói: 10 viên/vỉ.  
Cùng hãng SX: Farmak JSC Ukraine.



Hoạt chất, hàm lượng:  
Enalapril maleate 20mg + Hydrochlorothiazide 12.5mg



Hoạt chất, hàm lượng:  
Enalapril maleate 10mg + Hydrochlorothiazide 25mg

Vỉ nhôm màu bạc, chữ đen, cam, đỏ..  
Cùng hãng SX: Servier - Pháp



Hoạt chất, hàm lượng: Gliclazid 30mg



Hoạt chất, hàm lượng: Gliclazid 60mg

|    |                       |                       |                     |
|----|-----------------------|-----------------------|---------------------|
| 15 | Amlodipine STELLA 5mg | Lisipilus HCT 10/12.5 | Bisoplus HCT 5/12.5 |
|----|-----------------------|-----------------------|---------------------|

Vì nhôm màu bạc, chữ đen. Hộp kiểu dáng tương tự, chữ đỏ. Quy cách đóng gói: 10 viên/ vỉ  
Cùng hãng SX: Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1



Hoạt chất, hàm lượng:  
Amlodipin 5mg



Hoạt chất, hàm lượng:  
Lisinopril 10mg + Amlodipin 5mg



Hoạt chất, hàm lượng:  
Bisoprolol 5mg +  
Hydrochlorothiazide 12.5mg

Vi nhôm màu bạc, chữ xanh.



Mặt trước



Mặt sau

Hoạt chất, hàm lượng: Paracetamol 500mg  
Hãng SX: Công ty Cổ phần SPM

Hoạt chất, hàm lượng: Paracetamol 500mg  
Hãng SX: Công ty cổ phần Dược phẩm Sao Kim

Hộp màu trắng, xanh, vàng.  
Cùng hãng SX: Boehringer Ingelheim Espana S.A – Tây Ban Nha



Thuốc dạng viên nén.  
Hoạt chất, hàm lượng: Meloxicam 7,5mg

Thuốc dạng dung dịch.  
Hoạt chất, hàm lượng: Meloxicam 15mg/1.5ml

18

Topamax 25mg

Trajenta 5mg

|  |                                                                                    |                                                                                              |
|--|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|
|  | Hộp màu trắng, xanh dương, vàng.                                                   |                                                                                              |
|  |  |          |
|  | Hoạt chất, hàm lượng: Topiramate 25mg<br>Hãng SX: JANSSEN                          | Hoạt chất, hàm lượng: Linagliptin 5mg<br>Hãng SX: Boehringer Ingelheim pharma GmbH & Co. KG. |

|    |                |                |
|----|----------------|----------------|
| 19 | Masopen 250/25 | Masopen 100/10 |
|----|----------------|----------------|

|  |                                                                                                                    |                                                                                                   |
|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  | <p>Hộp màu trắng, chữ màu đen. Quy cách đóng gói: 10 viên/ vỉ<br/> Cùng hãng SX: Công ty TNHH Hasan-Dermapharm</p> |                                                                                                   |
|  |                                  |                |
|  | <p>Thuốc có sọc màu xanh dương, vàng.<br/> Hoạt chất, hàm lượng: Levodopa 250mg + Carbidopa 25mg</p>               | <p>Thuốc có sọc màu xanh lá, hồng.<br/> Hoạt chất, hàm lượng: Levodopa 100mg + Carbidopa 10mg</p> |

|    |                        |                       |
|----|------------------------|-----------------------|
| 20 | Galvus Met 50mg/1000mg | Galvus Met 50mg/850mg |
|----|------------------------|-----------------------|

Hộp màu trắng, chữ màu đỏ  
Cũng hãng sản xuất: Novartis Pharma Produktions GmbH



Hoạt chất, hàm lượng:  
Vildagliptin 50mg + Metformin hydrochlorid 1000mg

Hoạt chất, hàm lượng :  
Vildagliptin 50mg + Metformin hydrochlorid 850mg

|    |               |               |
|----|---------------|---------------|
| 21 | Gliclada 30mg | Gliclada 60mg |
|----|---------------|---------------|

Hộp màu trắng, chữ màu trắng nền xanh. Quy cách đóng gói: 15 viên/ vỉ  
Cùng hãng SX: KRKA D.D Novo Mesto



Có màu xanh lá.  
Hoạt chất, hàm lượng: Gliclazide 30 mg

Có màu xanh dương.  
Hoạt chất, hàm lượng: Gliclazide 60 mg

|    |                     |                      |
|----|---------------------|----------------------|
| 22 | <b>Thyrozol 5mg</b> | <b>Thyrozol 10mg</b> |
|----|---------------------|----------------------|

|  |                                                                                               |                                                                                     |
|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
|  | Hộp màu trắng, chữ màu đen. Quy cách đóng gói: 10 viên/ vỉ<br>Cùng hãng sản xuất: Merck - Đức |                                                                                     |
|  |             |  |
|  | Có sọc màu vàng.<br>Hoạt chất, hàm lượng: Thiamazol 5mg                                       | Có sọc màu tím.<br>Hoạt chất, hàm lượng: Thiamazol 10mg                             |

| 23 | Prograf 1mg                                                | Prograf 0.5mg |
|----|------------------------------------------------------------|---------------|
|    | Hộp màu trắng, chữ màu đen. Quy cách đóng gói: 10 viên/ vỉ |               |

|  |                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                              |
|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  | Cùng hãng SX: Astellas Ireland Co., Ltd - AI LEN                                                                                                             |                                                                                                                                                                              |
|  |  <p>PROGRAF® 1 mg<br/>kapsül<br/>Takrolimus<br/>50 kapsül<br/>astellas</p> |  <p>Tacrolimus<br/>Prograf® 0.5 mg<br/>hard capsules<br/>5 x 10 capsules<br/>astellas</p> |
|  | Hoạt chất, hàm lượng: Tacrolimus 1mg                                                                                                                         | Hoạt chất, hàm lượng: Tacrolimus 0.5mg                                                                                                                                       |

|    |                                                                |              |
|----|----------------------------------------------------------------|--------------|
| 24 | Augmentin 625mg                                                | Augmentin 1g |
|    | Hộp màu trắng, tím, chữ màu tím. Quy cách đóng gói: 7 viên/ vỉ |              |

Cùng hãng SX: SmithKline Beecham Limited - Anh



Hoạt chất, hàm lượng:  
Amoxicillin 500mg + acid clavulanic 125mg

Hoạt chất, hàm lượng:  
Amoxicillin 875mg + kali clavulanat 125mg

STT

TÊN THUỐC  
THUỐC DẠNG ỨNG DỤNG

|   |                                                                                                                          |                                                                     |
|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| 1 | <b>Nerusyn 1.5g</b>                                                                                                      | <b>Cefamandol 1g</b>                                                |
|   | Lọ thủy tinh trong suốt, nắp màu xanh, nền màu xanh chữ màu trắng.<br>Cùng hãng SX: Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm  |                                                                     |
|   |                                       |                                                                     |
|   | Hoạt chất, hàm lượng:<br>Ampicilin (dưới dạng Ampicilin natri) 1g + Sulbactam (dưới dạng Sulbactam natri) 0.5g           | Hoạt chất, hàm lượng:<br>Cefamandol (dưới dạng Cefamandol nafat) 1g |
| 2 | <b>BFS-Noradrenaline 1mg</b>                                                                                             | <b>BFS-Cafein 3ml</b>                                               |
|   | Hộp màu trắng, chữ đen trên nền trắng, có hình vẽ khá tương đồng.<br>Cùng hãng SX: Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội |                                                                     |



Hộp có màu hồng nền trắng.

**Hoạt chất, hàm lượng:**

Noradrenalin (dưới dạng Noradrenalin tartrat) 1 mg/1 ml

|                               |
|-------------------------------|
| Hộp có màu xanh lá nền trắng. |
|-------------------------------|

**Hoạt chất, hàm lượng:**

Cafein 30mg/3ml (tương đương 60 mg Cafein citrat)

3

**Vinphyton 1mg**

**Noradrenalin 1mg**

Ông thủy tinh màu nâu, chữ đỏ, đen trên nền trắng,  
Cùng hãng SX: Công ty cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc



Hoạt chất, hàm lượng: Phytomenadion (vitamin K1) 1mg/1ml

Hoạt chất, hàm lượng: Noradrenalin (dưới dạng Noradrenalin tartrat) 1mg

|   |                |                |
|---|----------------|----------------|
| 4 | Piperacilin 4g | Tazopelin 4.5g |
|---|----------------|----------------|

Lọ thủy tinh trong suốt, nắp màu xanh.



Lọ có nền màu xanh dương, trắng.  
Hoạt chất, hàm lượng: Piperacilin (dưới dạng Piperacilin natri) 4g  
Hãng SX: CT Cổ phần Dược phẩm Imexpharm

Lọ có nền màu xanh lá, trắng.  
Hoạt chất, hàm lượng: Piperacillin (dưới dạng piperacillin natri) 4g + Tazobactam (dưới dạng Tazobactam natri) 0.5g  
Hãng SX: CT CP Dược- TTBYT Bình Định.

| 5 | Vimotram                                                                                                              | Piperacilin 2g |
|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
|   | <p>Lọ thủy tinh trong suốt, nắp màu xanh, chữ màu trắng nền xanh.<br/>Cùng hãng SX: Công ty cổ phần dược phẩm VCP</p> |                |

|  |                                                                                                                      |                                                                                     |
|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
|  |                                     |  |
|  | <p>Hoạt chất, hàm lượng: Amoxicilin (dưới dạng amoxicilin natri) 1g + Sulbactam (dưới dạng Sulbactam natri) 0.5g</p> | <p>Hoạt chất, hàm lượng: Piperacilin (dưới dạng Piperacilin natri) 2g</p>           |

|   |                                           |                   |
|---|-------------------------------------------|-------------------|
| 6 | No-spa 40mg/2ml                           | Cavinton 10mg/2ml |
|   | Ống thủy tinh màu nâu, chữ đen nền trắng. |                   |

|  |                                                                                                                                 |                                                                                       |
|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
|  |                                                |    |
|  | Hoạt chất, hàm lượng: Drotaverine hydrochloride 40mg/2ml<br>Hãng SX: Chinoin Pharmaceutical & Chemical Works Co., Ltd - HUNGARY | Hoạt chất, hàm lượng: Vinpocetine 10mg/2ml<br>Hãng SX: Gedeon Richter., Ltd - HUNGARY |

|   |                                     |                                     |
|---|-------------------------------------|-------------------------------------|
| 7 | <b>Adrenalin 1mg/1ml</b>            | <b>Morphin hydroclorid 10mg/1ml</b> |
|   | Ống thủy tinh màu nâu, chữ màu đen. |                                     |



Hoạt chất, hàm lượng: Adrenalin acid tartrat 1mg/1ml  
Hãng SX: Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2

Hoạt chất, hàm lượng: Morphin hydroclorid 10mg/ml  
Hãng SX: Công ty cổ phần dược phẩm TW Vidipha

|          |                          |                          |
|----------|--------------------------|--------------------------|
| <b>8</b> | <b>Aminazin 25mg/2ml</b> | <b>Lidocain 40mg/2ml</b> |
|----------|--------------------------|--------------------------|

Ống thủy tinh trong suốt, chữ màu đỏ.

|  |                                                                                                             |                                                                                                     |
|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  |                            |                  |
|  | <p>Hoạt chất, hàm lượng: Chlorpromazine 25mg/2ml</p> <p>Hãng SX: Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương I</p> | <p>Hoạt chất, hàm lượng: Lidocaine 40mg/2ml</p> <p>Hãng SX: Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc</p> |

|          |                                                  |                                            |
|----------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------|
| <b>9</b> | <b>Vincopane 20mg/1ml</b>                        | <b>Dung môi pha tiêm của Vinsolon 40mg</b> |
|          | Ống thủy tinh trong suốt, chữ màu đen nền trắng. |                                            |

|  |                                                                                    |                                                                                      |
|--|------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|
|  | Cùng hãng SX: Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc                                  |                                                                                      |
|  |  |  |
|  | Hoạt chất, hàm lượng: Hyoscin - N Butylbromid 20mg/1ml                             | Hoạt chất, hàm lượng: Alcol benzylic 9mg/1 ml                                        |

| 10 | Cefepime                                                                                                           | Ceftriaxone |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
|    | Lọ thủy tinh trong suốt, chữ màu xanh có 2 kẻ hồng, nền trắng.<br>Cùng hãng SX: Công ty cổ phần Dược phẩm Evupharm |             |



Nắp lọ màu hồng.  
Hoạt chất, hàm lượng: Cefepim 1g

Nắp lọ màu tím.  
Hoạt chất, hàm lượng: Ceftriaxon (dưới dạng Ceftriaxon natri) 1g

|           |                                                                                                            |                      |
|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|
| <b>11</b> | <b>Vinphason 100mg</b>                                                                                     | <b>Vinsolon 40mg</b> |
|           | Lọ thủy tinh trong suốt, nắp màu xanh, nền màu trắng,<br>Cùng hãng SX: Công ty cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc |                      |



Tên thuốc màu xanh lá.  
Hoạt chất, hàm lượng: Hydrocortison 100mg

Tên thuốc màu xanh dương.  
Hoạt chất, hàm lượng: Methylprednisolon 40mg

|    |                             |                   |
|----|-----------------------------|-------------------|
| 12 | Natri Bicarbonat 1.4% 250ml | Manitol 20% 250ml |
|    | Lọ màu trắng, tím           |                   |

|  |                                                                                                                             |                                                                                                                              |
|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  |                                            |                                           |
|  | <p>Nắp màu vàng.</p> <p>Hoạt chất, hàm lượng: Natri bicarbonat 1.4g</p> <p>Hãng SX: CT Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam.</p> | <p>Nắp màu đỏ.</p> <p>Hoạt chất, hàm lượng: Manitol 20% 250ml</p> <p>Hãng SX: CT Cổ phần Hóa Dược phẩm Mekophar Việt Nam</p> |

| 13 | Nexium 40mg Inj                                                        | Nexium mups 40mg |
|----|------------------------------------------------------------------------|------------------|
|    | <p>Hộp màu trắng, tím</p> <p>Cùng hãng SX: AstraZeneca – Thụy Điển</p> |                  |

|  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  |  <p>The image shows a purple box and a glass vial of Nexium 40mg. The box is labeled 'Nexium esomeprazole 40mg' and 'Powder for solution for injection/infusion For intravenous use only'. The vial is labeled 'Nexium esomeprazole 40mg powder for injection/infusion For intravenous use only'.</p> |  <p>The image shows a purple box and a blister pack of Nexium mups 40mg. The box is labeled 'Nexium mups esomeprazole 40mg' and '2x7 gastro-resistant tablets'. The blister pack contains 14 white, oval-shaped tablets.</p> |
|  | <p>Thuốc có dạng dung dịch.<br/>Hoạt chất, hàm lượng: Esomeprazole 40mg</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | <p>Thuốc có dạng viên nén.<br/>Hoạt chất, hàm lượng: Esomeprazole 40mg</p>                                                                                                                                                                                                                                      |

|    |                       |              |
|----|-----------------------|--------------|
| 14 | Vinxium 40 mg         | Vinsolon 125 |
|    | Ống màu trắng chữ đen |              |

Cùng hãng SX: Công ty cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc



Lọ thuốc có màu tím có kèm dung môi  
Hoạt chất, hàm lượng: Esomeprazol 40mg



Lọ thuốc có màu trắng có kèm dung môi  
Hoạt chất, hàm lượng: Methylprednisolon 125mg

15

**Solu- Medrol 500mg**

**Depo- Medrol 40mg**

Hộp màu trắng xanh  
Cùng hãng SX: Pfizer – Bỉ



Hộp thuốc to hơn.  
Hoạt chất, hàm lượng: Methylprednisolon 500mg

Hộp thuốc nhỏ hơn.  
Hoạt chất, hàm lượng: Methylprednisolon 40mg

16

**Kali clorid 500mg/5ml**

**Calci clorid 500mg/5ml**

|  |                                                                                     |                                                                                        |
|--|-------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|
|  | Lọ thủy tinh trong suốt, chữ màu đỏ. Củng thể tích 5ml.                             |                                                                                        |
|  |  |     |
|  | Hoạt chất, hàm lượng: Kali Clorid 10%<br>Hãng SX: CT Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc    | Hoạt chất, hàm lượng: Calci Clorid 500mg/5ml<br>Hãng SX: CT Cổ phần Dược phẩm Minh Dân |

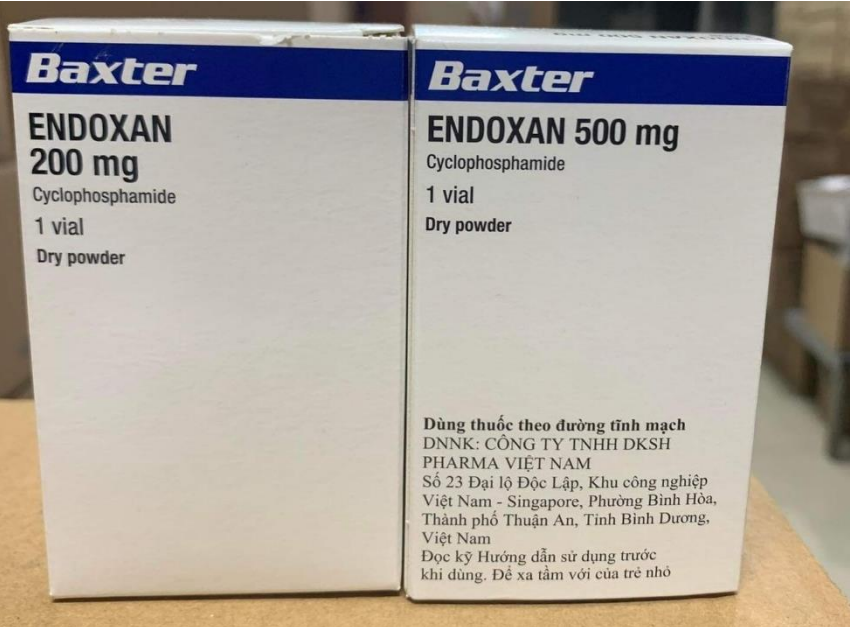
|    |                                                                                        |                   |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|
| 17 | <b>Morihepamin 7.58%</b>                                                               | <b>Aminic 10%</b> |
|    | Túi nhựa trong suốt, viên đỏ.<br>Củng hãng SX: Ay Pharmaceuticals CO., LTD - Nhật Bản. |                   |



Có hàm lượng 500ml nên túi to hơn.  
Hoạt chất, hàm lượng: Acid amin 7.58%/500ml

Có hàm lượng 200ml nên túi nhỏ hơn.  
Hoạt chất, hàm lượng: Acid amin 10%/200ml

| 18 | Endoxan 200mg                                                                           | Endoxan 500mg |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------|---------------|
|    | <p>Hộp vỏ màu trắng, chữ đen, kẻ xanh.<br/>Cùng hãng SX: Baxter Oncology GmbH – Đức</p> |               |

|  |                                                                                                                 |
|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  |                                                                                                                 |
|  |                              |
|  | <div>Hoạt chất, hàm lượng: Cyclophosphamide 200mg</div> <div>Hoạt chất, hàm lượng: Cyclophosphamide 500mg</div> |

|    |                                                                     |                       |
|----|---------------------------------------------------------------------|-----------------------|
| 19 | Miacalcic 50IU/1ml                                                  | Sandostatin 0.1 mg/ml |
|    | Cùng thể tích 1ml. Lọ màu trắng trong, có 2 gạch màu trên miệng ống |                       |

Cùng hãng SX: Novartis Pharma Stein AG – Thụy Sĩ

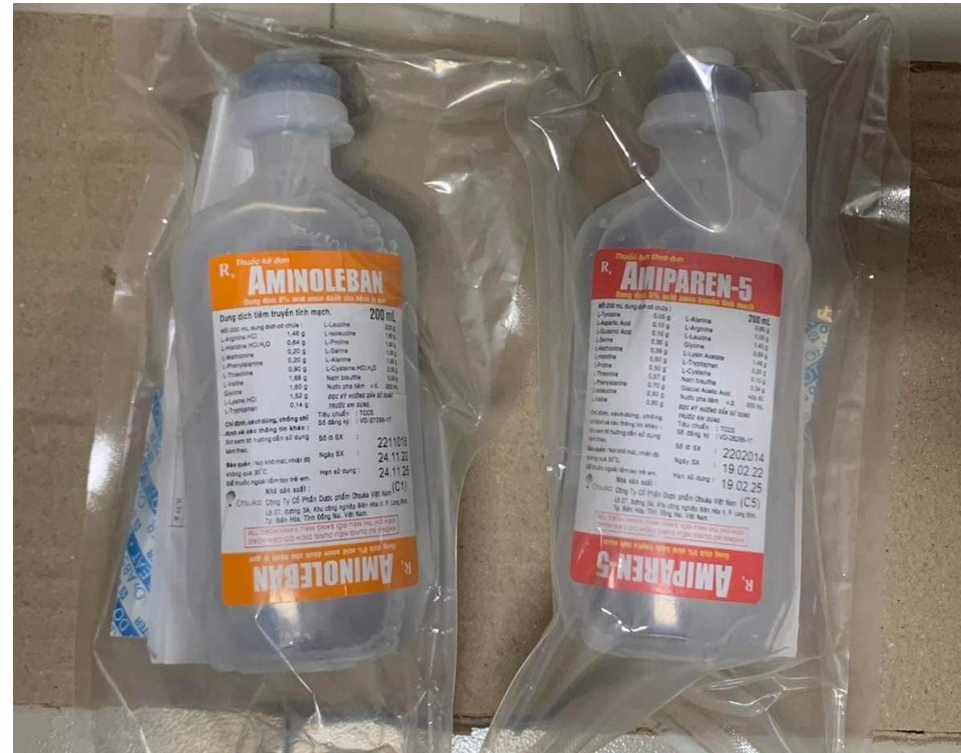


Lọ có chữ màu xanh, có 2 gạch màu trên miệng ống màu vàng, hồng.  
Hoạt chất, hàm lượng: Calcitonin 50IU/1ml

Lọ có chữ màu đen, xanh và vàng, có 2 gạch màu trên miệng ống màu xanh lá và xanh dương.  
Hoạt chất, hàm lượng: Octreotide 0.1mg/ml

|    |                  |                    |
|----|------------------|--------------------|
| 20 | Aminoleban 200ml | Amiparen - 5 200ml |
|----|------------------|--------------------|

Lọ nhựa màu trắng, chữ màu đen. Cùng thể tích 200ml.  
Cùng hãng SX: Cty Cổ phần Dược phẩm Otsuka Việt Nam.



Lọ nhựa màu trắng, có màu vàng cam.  
Hoạt chất, hàm lượng: Acid amin 8%

|                                                                                  |
|----------------------------------------------------------------------------------|
| <p>Lọ nhựa màu trắng, có màu hồng.</p> <p>Hoạt chất, hàm lượng: Acid amin 5%</p> |
|----------------------------------------------------------------------------------|

21 | Zensalbu 5mg/2.5ml

## Zenonid 0.5mg/2ml

Lọ nhựa màu trắng  
Cùng hãng SX: Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội



Lọ nhựa có chữ màu đỏ nền trắng.  
Hoạt chất, hàm lượng: Salbutamol 5mg/2.5ml

Lọ nhựa có chữ màu trắng nền xanh đậm.  
Hoạt chất, hàm lượng: Budesonid 0.5mg/2ml

22

**Sodium Valproate Aguettant 400mg/4ml**

**Noradrenaline Base Aguettant 1mg/ml**

Lọ nhựa màu trắng. Củng thể tích 4ml  
Cũng hàng SX : Laboratoire Aguettant - Pháp



Đầu thuốc có 2 sọc màu vàng đỏ.  
Hoạt chất, hàm lượng: Natri valproat 400mg/4ml

Đầu thuốc có 2 sọc màu vàng xanh.  
Hoạt chất, hàm lượng: Noradrenaline base 4mg/4ml

|    |                   |                 |
|----|-------------------|-----------------|
| 23 | Cefoperazone 0.5g | Cefoperazone 1g |
|----|-------------------|-----------------|

Lọ thủy tinh trắng trong, nhãn màu xanh, nắp xanh.  
Cùng hãng SX: Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm



Lọ thuốc màu xanh đậm.  
Hoạt chất, hàm lượng: Cefoperazone 0.5g

Lọ thuốc màu xanh nhạt.  
Hoạt chất, hàm lượng: Cefamandol 1g

| 24 | Mixtard 30 Flexpen                                                                   | NovoRapid Flexpen                                                                  |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|
|    | Bút tiêm hàm lượng 300IU/3ml.<br>Cùng hãng SX: Novo Nordisk A/S – Pháp               |                                                                                    |
|    |   |                                                                                    |
|    | Nền màu xanh dương, chữ màu trắng.<br>Hoạt chất, hàm lượng: Insulin human 300IU/3ml. | Nền màu xanh vàng, chữ màu đen.<br>Hoạt chất, hàm lượng: Insulin aspart 300IU/3ml. |

| 25 | Digoxin BFS 0.25 mg/ml                                                                                  | BFS - Neostigmine 0.25 mg/ml                                                              |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|
|    | <p>Ống nhựa màu trắng, cùng thể tích 1ml</p> <p>Cùng hãng SX: Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội</p> |                                                                                           |
|    |                      |                                                                                           |
|    | <p>Tuýp có màu hồng.</p> <p>Hoạt chất, hàm lượng: Digoxin 0.25mg/ml</p>                                 | <p>Tuýp có màu xanh lá.</p> <p>Hoạt chất, hàm lượng: Neostigmin metylsulfat 0.25mg/ml</p> |

| 26 | Axuka                                                                                                                                                                  | Ama-Power                                                                                                                                                  |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    | Lọ trong suốt, chữ màu đen, nền trắng, nắp màu đỏ<br>Cùng hãng SX: S.C. Antibiotice S.A..                                                                              |                                                                                                                                                            |
|    |                                                                                      |                                                                         |
|    | Chai không có màu xanh dương trên nhãn.<br>Hoạt chất, hàm lượng: Amoxicilin (dưới dạng amoxicilin natri)<br>1000mg + Acid clavulanic (dưới dạng Kali clavulanat) 200mg | Chai có màu xanh dương trên nhãn.<br>Hoạt chất, hàm lượng: Ampicillin (dưới dạng Ampicilin natri)<br>1000mg + Sulbactam (dưới dạng Sulbactam natri) 500mg. |

| 27 | Oflovid Ophthalmic solution 3mg/ml | Oflovid ophthalmic ointment 0.3% 3.5g |
|----|------------------------------------|---------------------------------------|
|----|------------------------------------|---------------------------------------|

Hộp màu trắng, viền cam.  
 Cùng hoạt chất, hàm lượng: Ofloxacin 0,3%.  
 Cùng hãng SX: Santen Pharmaceutical Co. Ltd. - Nhật Bản.



Thuốc dạng dung dịch nhỏ mắt. Hộp 1 lọ 5ml.



Thuốc dạng tuýp mỡ tra mắt. Hộp 1 tuýp 3.5g.

Hộp vỏ trắng, có các vệt gạch chéo.  
Cùng hàng SX: Novartis



Hộp và lọ thuốc có sọc màu xanh dương đậm và vàng.  
Hoạt chất, hàm lượng: Dexamethasone 1mg + Neomycin Sulfate 3.500 IU + Polymyxin B Sulfate 6.000 IU  
Thuốc dạng dung dịch nhỏ mắt. Hộp 1 lọ 5ml.

Hộp và lọ thuốc có sọc màu xanh dương nhạt và nâu.  
Hoạt chất, hàm lượng: Tobramycin 0.3% (10.5mg) + Dexamethasone 0.1% (3.5mg)  
Thuốc dạng mỡ tra mắt. Hộp 1 lọ 3.5g.

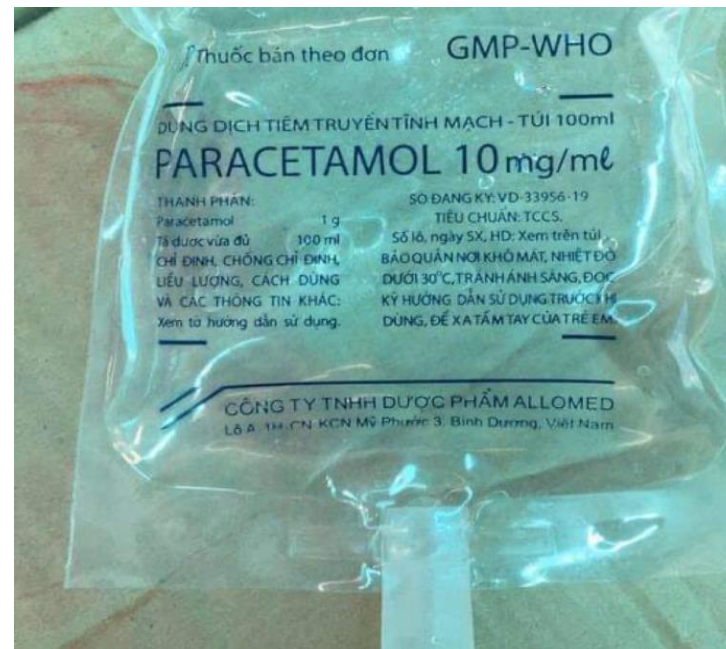
| 29 | Flumetholon 0.1 %                                              | Cravit 0.5% | Oflovid 0.3% |
|----|----------------------------------------------------------------|-------------|--------------|
|    | Hộp màu trắng, lọ có cùng thể tích 5ml<br>Cùng hãng SX: Santen |             |              |

|  |                                                                                      |                                                                                          |                                                                                     |
|--|--------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
|  |     |        |  |
|  | <p>Hộp và lọ thuốc có màu đỏ, nâu.</p> <p>Hoạt chất, hàm lượng: Flumetholon 0.1%</p> | <p>Hộp và lọ thuốc có màu vàng, hồng.</p> <p>Hoạt chất, hàm lượng: Levofloxacin 0.5%</p> | <p>Hộp và lọ thuốc có màu vàng, cam.</p> <p>Hoạt chất, hàm lượng: Oflovid 0.3%</p>  |

| 30 | Natri clorid 0.9% 100ml                                                                                                    | Paracetamol 10mg/ml |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
|    | <p>Túi truyền trong suốt, chữ xanh đậm. Quy cách đóng gói: túi 100ml.</p> <p>Cùng hãng SX: Cty TNHH Dược phẩm Allomed.</p> |                     |



Hoạt chất, hàm lượng: Natri clorid 0.9% 100ml



Hoạt chất, hàm lượng: Paracetamol 1g/100ml

| 31 | Dextrose 20% 500ml                                                                                                              | Dextrose 10% 500ml |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
|    | <p>Chai truyền trong suốt. Quy cách đóng gói: Chai 500ml.<br/> Cùng hãng SX: Cty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar Việt Nam.</p> |                    |

|  |                                                                                    |                                                                                      |
|--|------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|
|  |  |  |
|  | Chai có màu vàng, chữ màu vàng<br>Hoạt chất, hàm lượng: Dextrose 20% 500ml         | Chai có màu đỏ, chữ màu đỏ<br>Hoạt chất, hàm lượng: Dextrose 10% 500ml               |

## B. THUỐC ĐỌC GIỐNG NHAU

| TÊN THUỐC             |                               |
|-----------------------|-------------------------------|
| AMLODIPINE STELLA 5MG | Amoxicillin Capsules BP 500mg |

| TÊN THUỐC             |                                         |
|-----------------------|-----------------------------------------|
| Aprovel 150 mg        | Co-Aprovel 300/12.5mg                   |
| Aspirin 81mg          | Aspirin stella 81mg                     |
| Advagraf 1mg          | Advagraf 0.5mg                          |
| Atoris 10mg           | Atocib 60                               |
| Bixebra 5 mg          | Bixebra 7.5 mg                          |
| Betahistin 24         | Betahistine Stella 16mg                 |
| Concor 5mg            | Concor Cor 2.5mg                        |
| Crestor 5mg           | Crestor 10mg                            |
| Coversyl 5mg          | Coversyl 10mg                           |
| Calcitriol DHT 0.5mcg | Camzitol 100mg                          |
| Diamicron MR 30mg     | Diamicron MR 60mg                       |
| Diovan 80             | Co-Diovan 80/12.5                       |
| Gliclada 30mg         | Gliclada 60mg modified -release tablets |
| Garnotal 100mg        | Garnotal 10mg                           |

| TÊN THUỐC            |                               |
|----------------------|-------------------------------|
| Hasanbest 500/2.5    | Hasanbest 500/5               |
| Firstlexin 500 DT    | Firstlexin 250 DT             |
| Exforge 5mg/80mg     | Exforge HCT 10mg/160mg/12.5mg |
| Jiracek 20mg         | Jiracek 40mg                  |
| Masopen 250/25       | Masopen 100/10                |
| Methylprednisolon 16 | Methyprednisolon MKP 4mg      |
| Medrol 16mg          | Medrol 4mg                    |
| Lisoril-10           | Livosil 140mg                 |
| LEVODHG 250          | LEVODHG 500                   |
| Berlthyrox 100mcg    | Disthyrox 100mcg              |
| Losartan 25          | Lovastatin 20mg               |
| Pravastatin SaVi 10  | Pravastatin SaVi 40           |
| Pentasa Sachet 2g    | Pentasa 1g                    |
| Procoralan 5mg       | Procoralan 7.5mg              |

| TÊN THUỐC                 |                          |
|---------------------------|--------------------------|
| Plavix 75mg               | Plavix 300mg             |
| Tefortad T300             | Telfor 120               |
| TRIPLIXAM 5mg/1.25mg/10mg | TRIPLIXAM 5mg/1.25mg/5mg |
| Viacoram 3.5mg/2.5mg      | Viacoram 7mg/5mg         |
| Vastarel MR 35mg          | Vartel 20mg              |
| Zinnat Suspension         | Zinnat tablets 500mg     |
| Aclasta 5mg/100ml         | Actelsar 40mg            |
| Adrenalin mg/1ml          | Adrenalin - BFS 5mg/5ml  |
| Bacsulfo 1g/0.5g          | Bacsulfo 1g/1g           |
| Bifotin 1g                | Bifotirin 1g             |
| Cammic 500mg              | Cammic 250mg/5ml         |
| CAVINTON FORTE 10mg       | CAVINTON 10mg/2ml        |
| Cordarone 200mg           | Cordarone 150mg/3ml      |
| CEFOXITIN 1G              | CEFOXITIN 2G             |

| TÊN THUỐC                                       |                                                  |
|-------------------------------------------------|--------------------------------------------------|
| Cefamandol 1g                                   | Cefamandol 2g                                    |
| Ciprofloxacin 500mg                             | Ciprofloxacin Kabi 200mg/100ml                   |
| Combikit 3.1g                                   | Combilipid Peri Injection                        |
| Drotaverine STADA 40mg                          | Papaverin 2% 40mg/2ml                            |
| Ephedrine Aguettant 30mg/ml                     | Ephedrine Aguettant 30mg/10ml                    |
| Endoxan 200mg                                   | Endoxan 500mg                                    |
| Flucopharm 2mg/ml                               | Flucozal 150                                     |
| Flumetholon 0.1 (1mg/ml)                        | Flumetholon 0.02 (1mg/5ml)                       |
| Gemapaxan 4000IU/0.4ml                          | Gemapaxan 6000IU/0.6ml                           |
| Heparin – Belmed 5000 U.I./ml                   | Heparine Sodique Panpharma 5000 U.I./ml          |
| Hemafer-S 100mg/ 5ml                            | Hemastop 250 mg/1ml                              |
| Humalog Mix 75/25 Kwikpen                       | Humalog Mix 50 Kwikpen                           |
| Huyết thanh kháng nọc rắn hổ đất tinh chế (SAV) | Huyết thanh kháng nọc rắn lục tre tinh chế (SAV) |
| Lipofundin MCT/LCT 10%                          | Lipofundin MCT/LCT 20%                           |

| TÊN THUỐC                     |                                                   |
|-------------------------------|---------------------------------------------------|
| Lovenox 4000IU/0.4ml          | Lovenox 6000IU/0.6ml                              |
| Morphin 30mg                  | Morphin hydroclorid 10mg/ml                       |
| Magnesi sulfat Kabi 15%       | Magnesi-BFS 15%                                   |
| Miacalcic 50IU/1ml            | Rocalcic 100IU/1ml                                |
| Metoxa                        | Meseca                                            |
| Nerusyn 1.5g                  | Nerusyn 3g                                        |
| No-Spa forte 80mg             | No-spa 40mg/2ml                                   |
| NovoMix 30 FlexPen            | Novorapid FlexPen                                 |
| Omnipaque 50ml                | Omnipaque 100ml                                   |
| Ofloxacin-POS 3mg/ml          | Ofloxacin 200mg/100ml                             |
| Oflovid 15mg/5ml (dạng lọ)    | Oflovid Ophthalmic Ointment 0.3%/3.5g (dạng tuyb) |
| Tanganil 500mg                | Vintanil 1000mg/10ml                              |
| Salbutamol Renaudin 0.5mg/1ml | Salbutamol Renaudin 5mg/5ml                       |
| Symbicort Turbuhaler 120 dose | Symbicort Turbuhaler 60 dose                      |

| TÊN THUỐC                               |                               |                        |
|-----------------------------------------|-------------------------------|------------------------|
| REDDITUX 100mg/10ml                     | REDDITUX 500mg/50ml           |                        |
| Reamberin 6g/400ml                      | Remebentin 100                |                        |
| Piperacillin Panpharma 4g               | Piperacilin 2g                |                        |
| Vitamin B1                              | Vitamin B12                   |                        |
| Vinzix 40mg                             | Vinzix 20mg/2ml               |                        |
| Velcade 1mg                             | Velcade 3.5mg                 |                        |
| Vecmid 1gm                              | Vecmid 500mg                  |                        |
| Ventolin Inhaler 100mcg/liều x 200 liều | Ventolin Nebules 2.5mg/ 2.5ml |                        |
| Xenetix 300 50ml                        | Xenetix 300 100ml             |                        |
| Ceftazidime 2g                          | Tenamyd - ceftazidime 2g      |                        |
| Tenamyd - cefotaxime 2g                 | Tenamyd – cefotaxime 1g       |                        |
| Betaserc 24mg                           | Hidrasec 10mg Infants         | Hidrasec 30mg Children |
| Calci clorid 500mg/ 5ml                 | Kali clorid 10% 500mg/5ml     | Kali clorid 500mg      |
| Ciprobid 400mg/200ml                    | Ciprobay 500mg                | Ciprobay 400mg/200ml   |

| TÊN THUỐC              |                                  |                           |
|------------------------|----------------------------------|---------------------------|
| Colchicin 1mg          | Colistin TZF                     | Colirex 1MIU              |
| Cefoperazon 0.5g       | Cefoperazone 2g                  | Cefopefast -S 1000        |
| Dextrose 500ml         | Dextrose 10% 500ml               | Dextrose 20% 500ml        |
| Depo-medrol 40mg       | Solu-medrol 40mg                 | Solu-medrol 500mg         |
| Diazepam 5mg           | Diazepam-Hameln 5mg/ml Injection | Diazepam 10mg/2ml         |
| DigoxineQualy 0.25mg   | Digoxin-BFS 0.25mg/1ml           | Digoxin/Anfarm 0.5mg/ 2ml |
| Desloratadin 20mg/40ml | Desloratadin ODT 5mg             | SM. Loratadin 10          |
| Depakine Chrono        | Depakine 200mg                   | Dalekine 500              |
| Ebitac 12.5            | Ebitac 25                        | Ebitac Forte              |
| Fosfomed 2g            | Fosmicin for I.V. Use 2g         | Fosmicin tablets 500      |
| FORAIR 250             | Fordia MR 750mg                  | Forxiga 10mg              |
| Fucidin 2%/15g         | Fucidin H (300mg+ 150mg)/15g     | Fucicort Cre 15g          |
| Glucolyte-2 500ml      | Glucose 5% 500ml                 | Glucose 5% 250ml          |
| Glumeform 500 XR       | Glumeform 1000 XR                | Glumeform 850             |

| TÊN THUỐC                           |                                  |                                         |                                 |
|-------------------------------------|----------------------------------|-----------------------------------------|---------------------------------|
| Glimepiride Stella 4mg              | Glimet 500mg/2.5                 |                                         | GliritDHG 500mg/5mg             |
| Nifedipin Hasan 20 Retard           | Nicardipine Aguettant 10mg/10ml  |                                         | Vincardipin 10mg/10ml           |
| SaVi Tenofovir 300                  | Tenofovir 300                    |                                         | Temivir                         |
| Trajenta 5mg                        | Trajenta Duo 2.5 mg/850 mg       |                                         | Trajenta Duo 2.5 mg/1000 mg     |
| Seretide Accuhaler 50/250mcg        | Seretide Evohaler DC 25/125mcg   |                                         | Seretide Evohaler DC 25/250 mcg |
| Augmentin 250mg/31.25mg             | Augmentin 500mg/62.5mg           | Augmentin 625mg                         | Augmentin 1g                    |
| Aciclovir 800mg                     | Aciclovir 5%                     | Agiclovir 200mg                         | Agiclari 500                    |
| Avelox 400mg                        | Avelox 400mg/200ml               | Bivelox I.V 500mg/100ml                 | Biviflox 400mg/250ml            |
| BFS - Noradrenaline 1mg/1ml         | BFS – Noradrenaline<br>10mg/10ml | Noradrenaline Base<br>Aguettant 4mg/4ml | Noradrenalin 4mg/4ml            |
| Imipenem Cilastatin Kabi 1g         | Mizapenem 1g                     | Meropenem Kabi 1g                       | Meronem 1g                      |
| Natri clorid 3% 100ml               | Natri clorid 0.9% 100ml          | Natri clorid 0.9% 250ml                 | Natri clorid 0.9% 500ml         |
| Nimovac- V 30mg                     | Nimovaso sol 30mg/10ml           | Nimotop 30mg                            | Nimodin 10mg                    |
| Voltaren Emulgel 1,16g/ 100g<br>gel | Voltaren 75mg/3ml                | Voltaren suppo 100mg                    | Voltaren 75mg                   |

| TÊN THUỐC       |                  |                            |                                 |
|-----------------|------------------|----------------------------|---------------------------------|
| Nexium Inj 40mg | Nexium Mups 40mg | Vinxium 40mg               | Raxium 20                       |
| SaViPamol Plus  | Savispirono-Plus | SaviProlol Plus HCT 5/6.25 | SaviProlol Plus HCT<br>2.5/6.25 |
| Vinphyton 1mg   | Vinphason 100mg  | Vinsolon 40mg              | Duphaston 10mg                  |